

THANH CẢNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐÀ LA NI KINH

Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngự tại cung điện của Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói về nhân duyên xa xưa của Quán Tự Tại Bồ Tát. Trong thời quá khứ cách nay vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp có Đức Phật tên là **Quán Chiếu Quán Sát** Như Lai. Lúc thành Phật Đạo xong, Ngài trụ trong 27 ngày nói Pháp. Khi Ngài vào Niết Bàn có vị Thiên Tử tên là **Việt Na La Diên Lực**. Lúc đó, Đức Như Lai vì vị Thiên Tử đó mà nói về Tâm Chân Ngôn của **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát**. Vừa mới nghe xong, vị Thiên Tử ấy liền đắc được **Đại Bi Tam Ma Địa** rồi phát ra lời nguyện là :” Hết thấy tất cả các chúng sinh, nếu có sự sợ hãi ách nạn mà nghe được tên của tôi thì đều được xa lìa khổ đau, mau được giải thoát và mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Chẳng thà tôi xưng một lần Danh Tự, Tên Hiệu của Quán Tự Tại Bồ Tát chứ chẳng xưng Tên Hiệu của các hăng sa Như Lai “

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ Sa Môn Thiên Vương rằng :” Nên biết vị Thiên Tử này. Sau khi Ta diệt độ sẽ đem Tâm Chân Ngôn lưu truyền , rộng làm Phật sự đem lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sinh được an trí nơi Đạo Vô Thượng Bồ Đề

Đà La Ni là (Tương truyền ghi là : Mỗi lúc vào Đạo Trường. Trước tiên quỳ gối Sám Hối, Phát Nguyện. Xong ngồi Kiết Già , liền kết Ấn **Tịnh Tam Nghiệp** và tập Chân Ngôn. Tiếp kết Ấn Hộ Thân của Ba Bộ, rồi kết Ấn Căn Bản tụng Chân Ngôn 7 biến, xong buông Ấn trên Đỉnh đầu. Sau đó nâng tràng hạt y theo thời , trì 100 hoặc 1000)

Chùa Đại Hưng Thiện Tam Tạng Sa Môn **Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG** phụng chiếu chú thích nghĩa :

1. Nẳng mô la đát nẳng đát la dạ dã (Tam Bảo)

NAMO RATNATRÀYÀYA

2. Nẳng mô (Cúi lạy) **A lý dã phộc lộ cát đế thấp phộc la dã** (Thánh Quán Tự Tại)

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA

3. Mạo địa tát đát phộc dã, ma ha tát đát phộc dã, ma ha ca lô ni ca dã (Đấng Đại Bi)

BODHISATVÀYA _ MAHÀ SATVÀYA _ MAHÀ KARUṆIKÀYA

4. Tát phộc ma đà thế ná nẳng (Cắt chia) **Ca La** (Cắt đoạn) **dã** (Hay chặt tất cả sự trói buộc)

SARVA BANDHA CCHEDANA KÀRÀYA

5. Tát phộc bà phộc (Hữu_ Có) sa muộn nột lô hàm sái noa ca la đã (Hay làm khô kiệt tất cả khổ sinh tử trong biển Tam Hữu)

SARVA BHAVA SAMUDRAM SUKṢAṆA KÀRÀYA

6. Tát phộc nhĩ đã địa bát la xà ma năng ca la đã (Khiến ngưng tất cả Bệnh Tật)

SARVA BYADHI PRA'SAMANA KÀRÀYA

7. Tát phộc để dữu bát nại la phộc vĩ năng xả năng ca la đã (Hay cắt đứt tất cả tai họa)

SARVA TITYU BHANDRAVA VINA'SANA KÀRÀYA

8. Tát phộc bà duệ số giả đất la noa tác la đã (Cứu tế sự sợ hãi)

SARVA BHAYE ṢYO TRAṆA KARÀYA

9. Đất tả năng mạc sa ngật lệ đất phộc y ná ma lệ đã phộc lộ chỉ để thấp phộc la (Nay Tôi lễ Thánh Quán Tự Tại ấy)

TASMAI NAMASKṚTVA INAM ARYA AVALOKITE'SVARÀYA

10. Đa phộc nĩnh la kiển trán (Cư ngụ, nâng nhắc)

LAMTABHA NĪLAKAṆṬHA

11. Năng ma ngật lệ nãi đã (Thánh Giả Thanh Cảnh Tâm Chân Ngôn)

NÀMA HRDAYA

12. Ma phộc đa dĩ sái nhĩ (Nay Tôi nói)

MABRATA ICCHYAMI

13. Tát lệ phộc tha (Lợi ích) sa đà nam thâu hàm (Tất cả lợi ích thành tựu thanh tịnh)

SARVATHÀ SÀDHANAM 'SUVAM

14. A thệ (Từ tế: Bến bờ của lòng Từ) gian tát phộc bộ đa nam (Nơi các Quỷ Thần được thắng)

AJIYAM SARVA BHÛTANAM

15. Bà phộc mặt lật nga vĩ thủ đà kiếm (Vốn hay tịnh đường Tam Hữu)

BHAVAMARGA VI'SUDDHAKAM

16. Đất nê đã tha (Ấy là, liền nói)

TADYATHÀ

17. Án (Chọn lựa tại Như Ý Luân)

OM

18. A lộ kế (Quang minh)

ALOKE

19. A lộ ca ma tê (Quang Minh Tuệ)

ALOKA MATI

20. Lộ ca để ngật lạt để (Vượt Thế Gian)

LOKATI KRAMTE

21. Tứ tứ hạ lệ (Mừng thay ! Sư Tử)

HE HE HARE

22. Ma hạ mạo địa tát đất phộc . Hệ mạo địa tát đất phộc. Hệ bát lệ đã mạo địa tát đất phộc (Mừng thay nơi mỗi vị Bồ Tát)

MAHÀ BODHISATVA_ HE BODHISATVA_ HE VÌRYA BODHISATVA

23. Hệ ca lô ni sa ma la ngật li nãi diêm (Mừng thay ! Tâm Chân Ngôn ghi nhớ của Đại Bi)

HE KARUṆI SMARA HRDAYA

24. Tứ tứ hạ lệ. A li dã phộc lộ chỉ đế thấp phộc la (Mừng thay Sư Tử Vương Quán Tự Tại !) **ma hộ thấp phộc la** (Đại Tự Tại)

HE HE HARE_ ARYA AVALOKITE'SVARA _ MAHE'SVARA

25. Bá la ma môi đất la tức đa (Giới thắng Từ Tâm: Tâm Thắng Từ của Giới)
PARAMAITRA CITTA

26. Ma hạ ca lô ni ca (Đấng Đại Bi)

MAHÀ KARUṆIKA

27. Củ lô củ lô yết ma (Làm, làm lại sự nghiệp)

KURU KURU KARMA

28. Sa đà dã, sa đà dã, vĩ niệm (Minh thành tựu)

SÀDHAYA SÀDHAYA VIDYA

29. Nê tứ (Dẫn cho) **nễ tứ** (Dẫn cho) **nễ tứ minh phộc lam** (cho nguyện của Tôi)

NIHE NIHE _ NIHE ME VARAM

30. Ca sai nga ma (Nơi hy vọng)

KÀMAM GAMA

31. Vĩ đất nga ma (Đều như ý)

VITAGAMA

32. Vĩ nga ma (Mau lìa sự che dấu)

VIGAMA

33. Tất đạt dụ nghi thấp phộc la (Thành tựu Du Già tự tại)

SIDDHA YOGESVARA

34. Độ lô độ lô vĩ diên đề (Bạc trụ trì đạo chơi nơi hư không)

DHURU DHURU VIYANTI

35. Ma ha vĩ diên đề (Bạc Đại du không)

MAHÀ VIYANTI

36. Đà la, đà la, đà liên nại liên thấp phộc la (Trì giữ, lại trì giữ Đế Vương tự tại)

DHARA DHARA _ DHARE INDRE'SVARA

37. Tả la, tả la (Lay động)

CALA CALA

38. Vĩ ma la, ma la một lật đế (Lay động sự dơ bẩn. Lìa sự dơ bẩn , lìa thân dơ bẩn)

VIMALA MALA MRTE

39. A li dã phộc lộ chỉ đế thếp phộc la nê năng ngật li sử noa (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát quán khoác áo da hươu)

ARYA AVALOKITE'SVARA JINA KRṢṆA

40. Nhạ tra mục cự tra phộc lã ma bát la lã ma (Mãn trên đầu có Lưu Ly
buông rũ với các tràng hoa)

JATA MAKUTA VARAMMA PRARAMMA

41. Ma hạ tất đà vĩ nê dã đà la (Đại Thành Tự Trì Minh Tiên)

MAHA SIDDHA VIDYA DHARA

42. Ma la, ma la, ma hạ ma la, mạt la mạt la, ma hạ mạt la (Nội cầu, Ngoại
cầu Đại vô cầu)

MALA MALA MAHA AMALA VARA VARA MAHA AVARA

43. Tả la tả la ma hạ tả la (Lay động, lại lay động, đại vô động)

CALA CALA MAHA ACALA

44. Ngật li sử noa vạt la noa ngật li sử noa bác khất sái niết già đa năng (Hay
đập nát nhóm Minh có màu đen)

KRISHNA VRNA KRISHNA PAKSHA DIRGATANA

45. Hệ ma hạ bát nạp ma hạ sa đa (Mừng thay Liên Hoa Thủ !)

HE MAHA PADMA HASTA

46. Tả la tả la ninh xá tả lệ thấp phộc la (Hành, lại hành, Dạ Hành tự tại)

CARYA CARYA DISA CARYA'SVARA

47. Ngật li sử noa tát ba ngật li ba diễn nữ (ni dữu) **bà vĩ đa** (Con rắn màu
đen làm Thần Tuyền)

KRISHNA SARPA KRITAYA JYOPAVITA

48. Ê hê tứ ma hạ phộc la hạ mục khư (Hãy đến ! Đại Trư đầu : Đầu heo lớn)

EHIYEH MAHA VARAHA MUKHA

49. Để li bỏ la ná hạ ninh thấp phộc la (Bậc tự tại của Phạm Thiệu Ngôn Cung)

TRIPURADAHANE'SVARA

50. Năng la dã noa lô bả ma la phệ nga đà li (Trì hình Na La Diên Lực , bậc
Trì Tiến)

NARAYANA RUPA VARAMARGA DHARI

51. Hệ ninh la kiến tha (Mừng thay ! Thanh Cảnh: Bậc có cái cổ màu xanh)

HE NILAKANTHA

52. Hê ma hạ hạ la hạ la vĩ sái niết li nễ (bi tế) **đa** (Mừng thay ! Bậc đặc
thắng ác độc đại mãnh)

HE MAHA HARA HARA VISA NIRJITA

53. Lộ yết tả la nga vĩ sái vĩ năng xả năng (Trừ diệt sâu độc của Thế Gian)

LOKASYA RAGA VISA VINA'SANA

54. Mô hạ vi sái vi năng xả năng (Trừ diệt Độc của thuốc ở Thế Gian)

MOHA VISA VINA'SANA

55. Hộ lỗ hộ lỗ, ma hạ hộ lỗ hạ lệ (Mau chóng ! Liên Hoa Mau chóng !)

HURU HURU MAHA HURU HARE

56. Ma hạ bát nạp ma năng bà (Kêu gọi Đấng Sư Tử Vương Liên Hoa Quán
Tự Tại Bồ Tát tức là Giác Hoa . Cũng gọi là Phật Liên Hoa)

MAHA PADMA NABHA

57. Tát la tát la (Hoa sen)

SARA SARA

58. Tất li tất li (Liên Hoa chiết)

SIRI SIRI

59. Tô lô tô lô (Liên Hoa Cảnh : Cái cổ Hoa Sen)

SURU SURU

60. Một đà dã, một đà dã (Sở giác, sở giác)

BUDDHÀYA BUDDHÀYA

61. Mạo đà dã, mạo đà dã, nhĩ đế hệ (Ta khiến cho kẻ Hữu Tình kia giác ngộ)

BODDHÀYA BODDHÀYA JITE HE

62. Nĩnh la kiến tha ê hế tứ phộc ma bà thế đa tăng hạ mục khư (Đời vị lai
trụ ở mặt Sư Tử bên trái)

NĪLAKAṆṬHA EHYEHI VAMA STHITA SIMHA MUKHA

63. Hạ sa hạ sa (Cười)

HASA HASA

64. Muộn tả muộn tả (Phóng tán)

MUMCA MUMCA

65. Ma hạ tra hạ sa (Cười to ha ha)

MÀHA TÀTA HASA

66. Ế tứ bạo ma hạ tất đà dụ nghi thấp phộc la (Đến ! Đến ! Bậc Đại thành
tự Du Già tự tại)

EHI PAṀ ! MAHÀ SIDDHA YOGE'SVARA

67. Sa noa sa noa phộc trâm (Nay làm, nói năng)

SAṆA SAṆAVACA

68. Sa đà dã sa đà dã vĩ niệm (Thành tựu, thành tựu Chân Ngôn Minh)

SÀDHAYA SÀDHAYA VIDYA

69. Sa ma la sa ma la đàm , bà nga vãn (Không có mẫn)

SMARA SMARA 'SAM BHAGAVAM

70. Đàm, lộ chỉ đa vĩ lộ chỉ đàm, đát tha nghiệt đàm (Đại ức niệm, ức niệm
Thế Tôn quán chiếu quán sát)

TÀM_ LOKITA VILOKITAM TATHÀGATAM

71. Ná ná tứ minh tất phộc tất đát phộc nãm (Cho tất cả chúng sinh)

DADÀ HE ME SARVA SATVANÀM

**72. Nại la xà năng ca vi tả nại la xà nãm bát la hạ la ná dã ma nãm, sa phộc
hạ** (Người vui thấy, khiến cho nhìn thấy, khiến cho ý vui thích)

DAR'SANA KAMAṢYA DAR'SANAM PRAKRADÀYA MANA_ SVÀHÀ

73. Tất đà dã, sa phộc hạ (Thành tựu Phước Trí viên mãn)

SIDDHÀYA SVÀHÀ

74. Ma hạ tất đà dã, sa phộc hạ (Đại thành tựu Phước Đức)

MAHÀ SIDDHÀYA SVÀHÀ

75. Tất đà dụ nghi thấp phộc la , sa phộc hạ (Thành tựu Bậc Du Già tự tại
viên mãn)

SIDDHA YOGE'SVARA SVÀHÀ

- 76. Nĩnh la kiến tha, sa phộc hạ** (Thanh Cảnh : Đấng có cái cổ màu xanh)
NĪLAKANṬHA SVÀHÀ
- 77. Ma ha Phộc la hạ mục khứ, sa phộc hạ** (Viên mãn Phước Trí của mặt Heo)
MAHÀ VARAHA MUKHA SVÀHÀ
- 78. Ma ha tăng ha mọo khứ dã, sa phộc hạ** (Viên mãn Phước Trí của mặt Sư Tử)
MAHÀ SIMHA MUKHÀYA SVÀHÀ
- 79. Tất đà vĩ nễ dã đà la dã, sa phộc hạ** (Viên mãn Phước Trí của Thành Tựu Trì Minh)
SIDDHA VIDYADHÀRÀYA SVÀHÀ
- 80. Bát nạp ma hạ sa đá dã, sa phộc hạ** (Viên mãn Phước Trí của Liên Hoa Thủ)
PADMA HASTÀYA SVÀHÀ
- 81. Ngật lị sử noa tát bá ngật lị đa diễm nữ** (ni dữu) **bà vi đa dã, sa phộc hạ**
(Phước đức của con rắn màu đen làm Thần Tuyến)
KṚṢṆA SARPA KṚṬVA JYOPAVITÀYA SVÀHÀ
- 82. Ma hạ cự tra đà la dã, sa phộc hạ** (Viên mãn Phước Trí của Bạc cầm cây gậy lớn)
MAHÀ MAKUṬADHÀRÀYA SVÀHÀ
- 83. Chước ngật la dữu đá dã, sa phộc hạ** (Bạc cầm bánh xe, khí trượng)
CAKRA YUDHÀYA SVÀHÀ
- 84. Thường khứ nhiếp na nĩnh mọo đà nãg dã, sa phộc hạ** (Tiếng loa Pháp cảnh giác)
‘SAṆKHA ‘SABDANI BUDDHA NÀYA SVÀHÀ
- 85. Phộc ma sa kiến đà nê xả sa thế đa ngật lị sử noa nê nãg dã, sa phộc hạ**
(Viên mãn Phước Trí của Bạc khoác quần da hươu đen có sớ trú ở vai trái)
VAMA SKANDA VIṢA STHITA KṚṢṆA JINÀYA SVÀHÀ
- 86. Vĩ dã già la tạt ma ninh phộc tát nãg dã, sa phộc hạ** (Bạc mặc quần da cọp)
VYÀGHRA CA MANIVASANÀYA SVÀHÀ
- 87. Lộ kế thấp phộc la dã, sa phộc hạ** (Viên mãn Phước Đức của Quán Tự Tại)
LOKE’SVARÀYA SVÀHÀ
- 88. Tát phộc tát đệ thấp phộc la dã, sa phộc hạ** (Tất cả thành tựu tự tại)
SARVA SIDDHE’SVARÀYA SVÀHÀ
- 89. Nãg mô bà nga phộc đế** (Quy mệnh)
NAMO BHAGAVATE
- 90. A lị dã phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã** (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)
ÀRYA AVALOKITE’SVARÀYA
- 91. Mọo địa tát đất phộc dã, ma ha tát đất phộc dã** (Bạc dũng mãnh)
BODHISATVÀYA MAHÀ SATVÀYA
- 92. Ma hạ ca lô ni ca dã** (Bạc Đại Bi)
MAHÀ KARUṆIKÀYA

93. Tất diên đô mẫn đất la bà ná đã (Nguyễn thành tự Chân Ngôn cú)
SIDDHYANTU MANTRA PADĀYA

94. Sa phộc hạ
SVĀHĀ

Tiếp sẽ nói về phép vẽ Tượng của Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát này. Tượng đó có 3 mặt: Mặt chính làm dung mạo Từ Bi vui vẻ, bên phải làm mặt Sư Tử, bên trái làm mặt Heo. Đầu đội mào bau, trong mào có vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật.

Tượng có 4 tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm Bánh Xe, tay thứ hai cầm Vỏ ốc (Loa) . Thân mặc quần da cạp, dùng da hươu quấn góc bắp tay trái, khoác con rắn đen làm Thần Tuyến. Thân đứng trên hoa sen 8 cánh và thân được trang nghiêm bằng cái xuyến Lưu Ly đeo tay, vòng Lưu Ly, vật trang sức tỏa ánh hào quang lửa. Thần Tuyến đó quấn bên dưới góc bắp tay trái.

Tướng Ấn là : Hai tay cùng cài chéo nhau bên ngoài, cắm ngón cái trái vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái phải. Hai ngón giữa làm hình hoa sen. Dựng thẳng 2 ngón vô danh. Hai ngón út cài chặt nhau sao cho bên trái đè bên phải.

Thời **Khoan Diên** thứ hai, Trung Tuần tháng Bảy , năm Kỷ Ty

Xem xét một lần xong, sau đó tìm được Bản tốt dùng sự chính đúng làm cho toàn mỹ.

Kim Cương Thừa_ VÔ ĐẰNG

24/12/1998